TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11 - HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: **1050**/2026/QĐST-HNGĐ	*Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ Hôn nhân gia đình thụ lý số: 1007/2026/TLST-HNGĐ ngày 20/10/2026, giữa:

- *Nguyên đơn*: Ông **Vương Văn T**, sinh ngày 01/01/1970; CCCD số: 00107002xxxx; Ngày cấp: 15/04/2021; Nơi thường trú và nơi ở: Thôn L, xã C, thành phố Hà Nội.

- *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Thị T1**, sinh ngày 28/7/1971; CCCD số: 00117102xxxx; Cấp ngày 19/04/2021; Nơi thường trú và nơi ở: Thôn L, xã C, thành phố Hà Nội.

Căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22/10/2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về hôn nhân: Ông **Vương Văn T** và bà **Nguyễn Thị T1** thuận tình ly hôn.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

2.1. Về con chung: Ông **Vương Văn T** và bà **Nguyễn Thị T1** không có con chung.

2.3. Về tài sản chung, công sức đóng góp, các khoản vay, cho vay tài sản của vợ chồng: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

3. Về án phí: Ông Vương Văn T tự nguyện nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số: 0009009 ngày 20/10/2026 của Phòng Thi hành án Dân sự khu vực 11 - Hà Nội. Trả lại ông Vương Văn T 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND khu vực 11- Hà Nội;
- Phòng thi hành án dân sự khu vực 11 – Hà Nội;
- UBND xã L, huyện T, tỉnh Hà Tây (nay là xã C, thành phố Hà Nội) Giấy chứng nhận kết hôn số 24 ngày 30/6/1990;
- Lưu hồ sơ và VP.

THẨM PHÁN

Nguyễn Duy Trí